

## BIỂU DỰ KIẾN GIẢM NGHÈO NĂM 2025

TT	Khối	NĂM 2025				KẾ HOẠCH NĂM 2026 (Dự kiến)									
		Tổng số hộ dân cư cuối năm 2025	Hộ nghèo		Hộ cận nghèo		Dự kiến tổng số hộ dân cư cuối năm 2026	Hộ nghèo				Hộ cận nghèo			
			Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)		Số hộ giảm	Số hộ cuối năm 2025	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ giảm (%)	Số hộ giảm	Số hộ cuối năm 2025	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ giảm (%)
1	Khối 1	512			1	0,20	512	-	-	-	-	-	1	0,20	0,00
2	Khối 2	271					271	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Khối 3	451					451	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Khối 6	332			2	0,38	332	-	-	-	-	1	1	0,30	0,08
5	Khối 7	524			2	0,38	524	-	-	-	-	-	2	0,38	(0,00)
6	Khối 8	251					251	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Khối 9	542			2	0,37	542	-	-	-	-	-	2	0,37	0,00
8	Khối 10	461			1	0,22	461	-	-	-	-	-	1	0,22	0,00
9	Khối 11	283					283	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Khối Hoàng Sơn	197	1	0,51	2	1,02	197	-	1	-	0,51	-	2	1,02	0,00
11	Khối Hoàng Trung	264	2	0,76			264	-	2	-	0,76	-	-	-	-
12	Khối Đồng Ân	238	1	0,42			238	-	1	-	0,42	-	-	-	-

13	Khối Tàng Khảm	140					140	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Khối Chi Mạc - Nà Kéo	176					176	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Khối Hoàng Tâm	340			<b>3</b>	<b>0,88</b>	340	-	-	-	-	<b>1</b>	<b>2</b>	0,59	0,29
16	Khối Khòn Pịt	355					355	-	-	-	-	-	-	-	-
17	Khối Hoàng Tân	293					293	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Khối Hoàng Thượng	524					524	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Khối Bản Viên	229					229	-	-	-	-	-	-	-	-
20	Khối Đồi Chè	265			1	0,38	265	-	-	-	-	-	<b>1</b>	0,38	0,00
21	Khối Pàn Pè	151			1	0,66	151	-	-	-	-	-	<b>1</b>	0,66	(0,00)
22	Khối Hoàng Thanh	170					170	-	-	-	-	-	-	-	-
23	Khối Nà Sèn	146					146	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Khối Nà Pàn	135					135	-	-	-	-	-	-	-	-
25	Khối Hoàng Thủy	128			2	1,56	128	-	-	-	-	-	<b>2</b>	1,56	(0,00)
	<b>Cộng</b>	<b>7.378</b>	<b>4</b>	<b>0,05</b>	<b>17</b>	<b>0,23</b>	<b>7.378</b>	<b>-</b>	<b>4</b>	<b>0,05</b>	<b>-</b>	<b>2</b>	<b>15</b>	<b>0,20</b>	<b>0,03</b>

## BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2025

0

*đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Tên dự án, tiểu dự án	Tổng vốn dự kiến	Vốn ngân sách TW			Vốn ngân sách phường			Ghi chú
			Tổng	Vốn dự kiến năm 2026	Vốn năm 2025 kéo dài	Tổng	Vốn dự kiến năm 2026	Vốn năm 2025 kéo dài	
<b>CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO</b>		<b>15,00</b>	<b>15,00</b>	<b>0,00</b>	<b>25,00</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>DA 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>II</b>	<b>DA 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	TDA 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	0,00	0,00	0	0	0	0	0	
2	TDA 2. Cải thiện dinh dưỡng	0,00	0,00	0	0	0	0	0	
<b>III</b>	<b>DA 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	TDA 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	0	0	0	0	0	0	0	
2	TDA 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	0	0	0	0	0	0	0	
3	TDA 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	0	0	0	0	0	0	0	
<b>IV</b>	<b>DA 5. Hỗ trợ nhà ở cho HN, HCN trên địa bàn các huyện nghèo</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>V</b>	<b>DA 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	TDA 1. Giảm nghèo về thông tin	0	0	0	0	0	0	0	
2	TDA 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	0	0	0	0	0	0	0	
<b>VI</b>	<b>DA 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	TDA 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	15,00	15,00	-	15,00	-	-	-	

2	TDA 2. Giám sát, đánh giá	-	-	-	10,00	-	-	-	
---	---------------------------	---	---	---	-------	---	---	---	--